HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2026/NQ-HĐTP	*Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Hướng dẫn thực hiện thủ tục tố tụng, thủ tục hành chính tư pháp trên môi trường số tại Tòa án nhân dân

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15, Luật số 150/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế số 150/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 99/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 55/2019/QH14, Luật số 34/2024/QH15 và Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 45/2019/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 13/2022/QH15, Luật số 19/2023/QH, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 46/2024/QH15 và Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 58/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2021/QH15 về tổ chức phiên tòa trực tuyến;

Căn cứ Pháp lệnh số 01/2022/UBTVQH15 về trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Pháp lệnh số 08/2025/UBTVQH15;

Căn cứ Pháp lệnh số 02/2022/UBTVQH15 về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Pháp lệnh số 08/2025/UBTVQH15;

Căn cứ Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Pháp lệnh số 08/2025/UBTVQH15;

Căn cứ Pháp lệnh số 05/2024/UBTVQH15 về chi phí tố tụng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Pháp lệnh số 08/2025/UBTVQH15;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi có ý kiến của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành Nghị quyết hướng dẫn thực hiện thủ tục tố tụng, thủ tục hành chính tư pháp trên môi trường số tại Tòa án nhân dân.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này hướng dẫn thực hiện thủ tục tố tụng, thủ tục hành chính tư pháp tại Tòa án (sau đây gọi là thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp) trên môi trường số để giải quyết vụ án, vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án, bao gồm các thủ tục sau đây:

a) Nộp đơn khởi kiện, đơn yêu cầu, đơn kháng cáo, đơn đề nghị, kiến nghị, đơn khiếu nại, tố cáo (sau đây gọi là đơn khởi kiện, yêu cầu);

b) Cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ;

c) Cấp, tống đạt, thông báo văn bản;

d) Nộp tạm ứng án phí, lệ phí, chi phí tố tụng; án phí, lệ phí, chi phí tố tụng;

đ) Phiên họp, phiên tòa giải quyết vụ án, vụ việc;

e) Cấp trích lục, bản sao bản án, quyết định của Tòa án;

g) Giao, nhận hồ sơ, tài liệu, chứng cứ, văn bản tố tụng giữa các Tòa án;

h) Số hóa, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, chứng cứ, văn bản tố tụng;

i) Thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.

2. Nghị quyết này được áp dụng để thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp trên môi trường số, trừ trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quy định khác.

3. Việc thực hiện thủ tục giao, nhận hồ sơ, tài liệu, chứng cứ, văn bản tố tụng giữa Tòa án với Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan khác trên môi trường số được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, trường hợp pháp luật có liên quan không quy định thì áp dụng Nghị quyết này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp trên môi trường số và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Về một số từ ngữ

Trong Nghị quyết này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp tại Tòa án trên môi trường số* là việc Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân tiến hành, thực hiện toàn bộ hoặc một số thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp bằng phương tiện điện tử thông qua Hệ thống dịch vụ công Tòa án, Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống khác theo quy định của pháp luật.

2. *Hệ thống dịch vụ công Tòa án* là nền tảng thống nhất có chức năng tiếp nhận, giải quyết, theo dõi tình hình tiếp nhận, giải quyết, kết quả giải quyết thủ tục tố tụng, thủ tục hành chính tư pháp; kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống khác theo quy định của pháp luật để cung cấp và thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

3. *Tài liệu điện tử* là tài liệu được khởi tạo, gửi, nhận hoặc lưu trữ dưới dạng thông điệp dữ liệu.

4. *Chứng cứ điện tử* là chứng cứ được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu được cơ quan, tổ chức, cá nhân thu thập, bảo quản và giao nộp, xuất trình cho Tòa án theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định mà Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án, vụ việc.

5. *Hồ sơ điện tử* là tập hợp các thành phần hồ sơ vụ án, vụ việc được lưu trữ dưới dạng thông điệp dữ liệu có giá trị pháp lý như hồ sơ bằng văn bản giấy.

6. *Tài khoản giao dịch điện tử* là danh tính điện tử của cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác được xác thực điện tử để đăng nhập vào Hệ thống dịch vụ công Tòa án, Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống khác theo quy định của pháp luật khi thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp trên môi trường số và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

7. *Bản sao điện tử* là bản chụp dưới dạng điện tử từ bản chính dạng văn bản giấy hoặc tập tin có nội dung đầy đủ, chính xác như nội dung ghi trong sổ gốc, bản chính dạng văn bản giấy.

8. *Cấp bản sao điện tử từ sổ gốc* là việc cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc, căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao điện tử. Bản sao điện tử từ sổ gốc có nội dung đầy đủ, chính xác như nội dung ghi trong sổ gốc.

9. *Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính* là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền căn cứ vào bản chính dạng văn bản giấy để chứng thực bản sao bằng hình thức điện tử là đúng với bản chính.

10. *Số hóa kết quả, hồ sơ giải quyết thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp* là việc chuyển đổi thông tin, dữ liệu, tài liệu giải quyết thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp từ dạng vật lý hoặc tương tự sang dạng dữ liệu số.

11. *Kho quản lý dữ liệu điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân* là không gian điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Hệ thống dịch vụ công Tòa án, Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống khác để hỗ trợ quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu điện tử liên quan đến giao dịch điện tử với Tòa án của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp trên môi trường số

1. Phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng, pháp luật về chuyển đổi số, pháp luật về giao dịch điện tử, Nghị quyết này và pháp luật có liên quan.

2. Thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp được thực hiện trên môi trường số có giá trị pháp lý như các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm hợp pháp, hợp lý, khoa học, tiết kiệm thời gian, chi phí, công sức của tổ chức, cá nhân và cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm bình đẳng, khách quan, công khai, minh bạch, bảo mật, an ninh mạng và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền.

4. Không yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp lại những dữ liệu, tài liệu mà Tòa án đang quản lý hoặc đã được cơ quan nhà nước khác sẵn sàng chia sẻ hoặc thông tin, dữ liệu đã được xác thực qua các cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu ngành; chuẩn hóa, kết nối dữ liệu giữa các Tòa án.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn phương thức thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp, trường hợp không lựa chọn thì Tòa án xem xét, quyết định phương thức theo quy định của pháp luật tố tụng, phương thức quy định tại Nghị quyết này.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đã lựa chọn thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp trên môi trường số không được thay đổi phương thức trong quá trình giải quyết vụ án, vụ việc, trừ trường hợp có lý do chính đáng và được Tòa án chấp nhận.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của thông tin được kê khai, việc giao nộp tài liệu, chứng cứ khi thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp trên môi trường số; có trách nhiệm theo dõi, cập nhật, phản hồi các thông tin liên quan với Tòa án và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều kiện tham gia thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp trên môi trường số

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu, lựa chọn thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp trên môi trường số phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có cam kết tuân thủ các quy trình về thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp trên môi trường số do Tòa án nhân dân tối cao ban hành và hướng dẫn của Nghị quyết này.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có sử dụng chữ ký điện tử hoặc sử dụng hình thức xác nhận khác bằng phương tiện điện tử theo phân loại, đạt tiêu chuẩn kỹ thuật và mức độ xác thực tương ứng với loại giao dịch để thực hiện giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật và Quy chế thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp trên môi trường số tại Tòa án nhân dân (sau đây gọi là Quy chế) do Tòa án nhân dân tối cao ban hành.

Điều 6. Sử dụng chữ ký điện tử trong thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp trên môi trường số

1. Tòa án khi thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan, tổ chức, cá nhân phải sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp. Cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước khi thực hiện giao dịch điện tử với Tòa án phải sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện giao dịch điện tử với Tòa án có thể sử dụng chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn hoặc chữ ký số để thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp trên môi trường số. Chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn hoặc chữ ký số có giá trị pháp lý tương đương chữ ký của cá nhân đó trong văn bản giấy.

3. Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng chữ ký điện tử theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, Nghị quyết này và pháp luật có liên quan.

Điều 7. Sử dụng hình thức xác nhận khác không phải là chữ ký điện tử trong thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp trên môi trường số

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể sử dụng một hoặc một số hình thức xác nhận bằng phương tiện điện tử dưới đây để thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp:

a) Xác thực bằng mã khóa bí mật sử dụng một lần thông qua tin nhắn điện thoại hoặc ứng dụng trên thiết bị di động hoặc ứng dụng định danh quốc gia (VNeID);

b) Xác thực thông qua thông tin sinh trắc học;

c) Xác thực bằng thiết bị lưu khóa bí mật đạt mức độ an toàn cao;

d) Hình thức khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.

2. Việc sử dụng hình thức xác nhận quy định tại Điều này được thực hiện theo Quy chế.

Điều 8. Đăng ký, đăng nhập tài khoản giao dịch điện tử

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký tài khoản định danh điện tử trên Hệ thống dịch vụ công Tòa án, Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc hình thức khác theo Quy chế.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng nhập tài khoản định danh điện tử trên Hệ thống dịch vụ công Tòa án, Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc hình thức khác theo Quy chế để đăng ký, thực hiện giao dịch điện tử với Tòa án.

Điều 9. Yêu cầu tạm ngừng giao dịch điện tử

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đã đăng ký thực hiện giao dịch điện tử với Tòa án có thể yêu cầu tạm ngừng giao dịch điện tử nếu có lý do chính đáng. Việc đăng ký ngừng giao dịch điện tử thực hiện như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp đến trụ sở của Tòa án hoặc thực hiện trực tuyến để yêu cầu tạm ngừng giao dịch điện tử. Tòa án chỉ chấp nhận yêu cầu tạm ngừng khi cơ quan, tổ chức, cá nhân lựa chọn và thông báo cho Tòa án phương thức thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp khác.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Tòa án phải kiểm tra thông tin và gửi thông báo kết quả đến tài khoản giao dịch điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Trường hợp không chấp nhận, Tòa án phải nêu rõ lý do. Việc thực hiện giao dịch điện tử theo hướng dẫn tại Nghị quyết này sẽ tạm ngừng kể từ thời điểm cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được thông báo chấp nhận của Tòa án.

3. Trường hợp tạm ngừng giao dịch điện tử, Tòa án thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp theo phương thức do cơ quan, tổ chức, cá nhân lựa chọn.

4. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu tiếp tục giao dịch điện tử thì thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết.

Điều 10. Thời điểm thực hiện giao dịch điện tử

1. Thời điểm cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi yêu cầu thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp trên môi trường số theo hướng dẫn tại các điểm a, b, c, d, đ, e và i khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này là thời điểm thông điệp dữ liệu của cơ quan, tổ chức, cá nhân rời khỏi hệ thống thông tin dưới sự kiểm soát của họ.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi yêu cầu thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp thông qua Hệ thống dịch vụ công Tòa án thì thời điểm gửi thông điệp dữ liệu là thời điểm thông điệp dữ liệu đó nhập vào Hệ thống dịch vụ công Tòa án.

2. Thời điểm cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận thông điệp dữ liệu do Tòa án gửi đến là thời điểm thông điệp dữ liệu nhập vào hệ thống thông tin do cơ quan, tổ chức, cá nhân chỉ định và có thể truy cập được.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân không chỉ định một hệ thống thông tin để nhận thông điệp dữ liệu thì thời điểm nhận thông điệp dữ liệu do Tòa án gửi đến là thời điểm thông điệp dữ liệu đó nhập vào bất kỳ hệ thống thông tin nào hoặc tài khoản định danh điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó và có thể truy cập được.

3. Thời điểm cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi, nhận thông điệp dữ liệu theo hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là ngày cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi, nhận văn bản, tài liệu, chứng cứ hướng dẫn tại các điểm a, b, c, d, đ, e và i khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

4. Sau khi gửi, nhận thông điệp dữ liệu theo hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Tòa án in thông báo xác nhận giao dịch điện tử thành công theo hướng dẫn tại Điều 16 Nghị quyết này để lưu hồ sơ vụ án, vụ việc.

5. Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã giao dịch điện tử thành công theo hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì được coi là hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng, pháp luật có liên quan.

Điều 11. Giá trị pháp lý của bản sao điện tử

1. Bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc có giá trị sử dụng thay cho bản chính trong các giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính dạng văn bản giấy có giá trị sử dụng thay cho bản chính đã dùng để đối chiếu chứng thực trong các giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể yêu cầu Tòa án cấp bản sao điện tử trong các trường hợp sau đây:

a) Yêu cầu cấp bản sao điện tử từ sổ gốc;

b) Yêu cầu chứng thực bản sao điện tử từ bản chính giấy tờ, tài liệu.

Điều 12. Quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục tố tụng trên môi trường số

1. Hệ thống dịch vụ công Tòa án tiếp nhận đơn khởi kiện, đơn yêu cầu, kiểm tra tự động về mặt kỹ thuật. Trường hợp hồ sơ bảo đảm thành phần theo quy định và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật thì thực hiện phản hồi tự động xác nhận việc gửi đơn thành công và thông báo thời điểm tiếp nhận đơn.

2. Sau khi kiểm tra hồ sơ, nếu văn bản và hồ sơ điện tử đáp ứng điều kiện tiếp nhận theo quy định của pháp luật tố tụng, Tòa án tiếp nhận vào sổ nhận đơn, cập nhật vào Hệ thống dịch vụ công Tòa án và phân công Thẩm phán giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng.

3. Tòa án kiểm tra, xem xét đơn và hồ sơ điện tử do cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đến để ra thông báo thụ lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, đơn yêu cầu trên Hệ thống dịch vụ công Tòa án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Điều 13. Quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tư pháp trên môi trường số

1. Hệ thống dịch vụ công Tòa án tiếp nhận yêu cầu, kiểm tra tự động về mặt kỹ thuật. Trường hợp hồ sơ bảo đảm thành phần theo quy định và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật thì thực hiện phản hồi tự động xác nhận việc gửi đơn thành công và thông báo thời điểm tiếp nhận đơn.

2. Công chức Tòa án được phân công đăng nhập Hệ thống dịch vụ công Tòa án để kiểm tra đơn và hồ sơ điện tử do cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đến. Nội dung kiểm tra bao gồm:

a) Kiểm tra thông tin được khai trong đơn thông qua việc khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin đã sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống dịch vụ công Tòa án, Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định của pháp luật;

b) Kiểm tra tính xác thực, tính hợp lệ và tính toàn vẹn của văn bản, tài liệu và chữ ký số hoặc hình thức xác thực điện tử khác theo quy định của Luật Giao dịch điện tử và pháp luật tố tụng.

3. Sau khi kiểm tra hồ sơ, nếu đơn và hồ sơ điện tử đáp ứng điều kiện tiếp nhận, công chức Tòa án tiếp nhận vào sổ nhận đơn và cập nhật vào Hệ thống dịch vụ công Tòa án. Trường hợp đơn hoặc hồ sơ điện tử chưa đầy đủ, không hợp lệ, không đúng mẫu, không thuộc thẩm quyền, công chức Tòa án thông báo qua Hệ thống dịch vụ công Tòa án cho cơ quan, tổ chức, cá nhân để biết và hướng dẫn về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo quy định của pháp luật.

4. Việc thông báo tiếp nhận chính thức đơn hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ phải được thực hiện không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ thời điểm Hệ thống ghi nhận việc tiếp nhận đơn.

5. Thông tin, tài liệu và dữ liệu điện tử quy định tại khoản 2 Điều này, sau khi được Tòa án kiểm tra và xác nhận sẽ được lưu trữ tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 14. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính tư pháp

1. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính tư pháp trên môi trường số phải bảo đảm:

a) Phản ánh đầy đủ các nội dung kết quả giải quyết đã được quy định;

b) Có chữ ký số của Tòa án;

c) Bảo đảm tính toàn vẹn của dữ liệu, tính xác thực, tính chống chối bỏ và phù hợp với quy định của Luật Giao dịch điện tử.

2. Tòa án trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật, đồng thời trả kết quả bản điện tử cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính tư pháp theo ủy quyền thì việc lưu trữ kết quả giải quyết thủ tục hành chính tư pháp điện tử được thực hiện theo văn bản ủy quyền.

Điều 15. Chuyển đổi hồ sơ, tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp từ văn bản giấy sang thông điệp dữ liệu

1. Thông điệp dữ liệu được chuyển đổi từ văn bản giấy phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật Giao dịch điện tử. Yêu cầu về ký hiệu riêng và các thông tin khác tại điểm c khoản 1 Điều 12 của Luật Giao dịch điện tử được quy định cụ thể như sau:

a) Các thông tin trên thông điệp dữ liệu được chuyển đổi từ văn bản giấy bao gồm: ký hiệu riêng bằng chữ thể hiện thông điệp dữ liệu đã được chuyển đổi từ văn bản giấy và thời gian thực hiện chuyển đổi; thông tin bao gồm tên đầy đủ của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển đổi.

Trên thông điệp dữ liệu được chuyển đổi từ văn bản giấy, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn hiển thị bổ sung mã phản hồi nhanh (QR) hoặc hình thức mã hóa khác chứa các thông tin trên để phục vụ việc tra cứu và sử dụng thông tin bằng phương tiện điện tử.

Nội dung ký hiệu riêng thể hiện thông điệp dữ liệu đã được chuyển đổi từ văn bản giấy theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp chuyển đổi phục vụ hoạt động công chứng, chứng thực, sao y, sao lục, trích sao, các thông tin trên thông điệp dữ liệu được thực hiện theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực và công tác văn thư.

2. Yêu cầu đối với hệ thống thông tin phục vụ chuyển đổi từ văn bản giấy sang thông điệp dữ liệu phải bảo đảm các tính năng sau:

a) Chuyển đổi toàn vẹn nội dung từ văn bản giấy sang thông điệp dữ liệu;

b) Tạo ký hiệu riêng và các thông tin khác trên thông điệp dữ liệu theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Lưu trữ thông điệp dữ liệu;

d) Bảo đảm an ninh mạng theo quy định của pháp luật;

đ) Trường hợp chuyển đổi thông điệp dữ liệu từ văn bản giấy theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Luật Giao dịch điện tử, hệ thống thông tin phục vụ chuyển đổi phải có tính năng ký số.

3. Thông điệp dữ liệu được chuyển đổi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều này có giá trị pháp lý như văn bản giấy tương ứng, trừ trường hợp pháp luật tố tụng hoặc pháp luật có liên quan có quy định khác.

Điều 16. Chuyển đổi hồ sơ, tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp từ thông điệp dữ liệu sang văn bản giấy

1. Văn bản giấy được chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Luật Giao dịch điện tử. Thông tin để xác định được hệ thống thông tin và chủ quản hệ thống thông tin tạo lập, gửi, nhận, lưu trữ thông điệp dữ liệu để tra cứu tại điểm b khoản 2 Điều 12 của Luật Giao dịch điện tử được quy định cụ thể như sau:

a) Thông tin tối thiểu xác định hệ thống thông tin và chủ quản hệ thống thông tin tạo lập, gửi, nhận, lưu trữ thông điệp dữ liệu để tra cứu bao gồm: tên hệ thống thông tin, tên chủ quản hệ thống thông tin;

b) Thông tin để truy cập thông điệp dữ liệu trên hệ thống thông tin tạo lập, lưu trữ thông điệp dữ liệu có thể là một đường dẫn đầy đủ của thông điệp dữ liệu trên hệ thống thông tin hoặc mã duy nhất để truy cập thông điệp dữ liệu thông qua một giao diện tìm kiếm.

2. Yêu cầu về ký hiệu riêng và các thông tin khác tại điểm c khoản 2 Điều 12 của Luật Giao dịch điện tử được quy định cụ thể như sau:

a) Các thông tin tối thiểu trên văn bản giấy được chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu bao gồm: ký hiệu riêng bằng chữ thể hiện văn bản giấy đã được chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu và thời gian thực hiện chuyển đổi; thông tin về tên đầy đủ của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển đổi.

Trên văn bản giấy được chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn hiển thị bổ sung mã phản hồi nhanh (QR) hoặc các hình

thức mã hóa khác chứa các thông tin trên để phục vụ việc tra cứu bằng phương tiện điện tử đối với thông điệp dữ liệu tạo lập trên hệ thống thông tin.

Nội dung ký hiệu riêng thể hiện văn bản giấy đã được chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp chuyển đổi phục vụ hoạt động công chứng, chứng thực, sao y, sao lục, trích sao các thông tin trên văn bản giấy được thực hiện theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực, văn thư.

3. Yêu cầu về hệ thống thông tin phục vụ chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu sang văn bản giấy phải bảo đảm các tính năng sau:

a) Truy xuất từ hệ thống lưu trữ và hiển thị thông điệp dữ liệu gốc cần chuyển đổi dưới dạng hoàn chỉnh;

b) Tạo ký hiệu riêng và các thông tin khác trên văn bản giấy theo quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Chuyển đổi toàn vẹn nội dung từ thông điệp dữ liệu gốc sang văn bản giấy.

4. Văn bản được chuyển đổi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều này có giá trị pháp lý như thông điệp dữ liệu tương ứng, trừ trường hợp pháp luật tố tụng, pháp luật có liên quan có quy định khác.

Điều 17. Giá trị pháp lý của việc giao, nhận hồ sơ, tài liệu, chứng cứ, văn bản tố tụng trên môi trường số

1. Hồ sơ, tài liệu, chứng cứ, văn bản tố tụng được gửi và nhận bằng phương thức điện tử qua Hệ thống dịch vụ công Tòa án bảo đảm các điều kiện theo quy định của Nghị quyết này và pháp luật có liên quan có giá trị pháp lý như văn bản giấy.

2. Việc giao, nhận trên môi trường số phải bảo tính xác thực, tính toàn vẹn, tính chống chối bỏ, bảo đảm bảo mật và an ninh mạng.

Điều 18. Lưu trữ điện tử

1. Hồ sơ, tài liệu, chứng cứ, văn bản tố tụng, kết quả giải quyết thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp điện tử được lưu trữ theo quy định của pháp luật có liên quan, phù hợp với môi trường, điều kiện lưu trữ điện tử và các quy định có liên quan của pháp luật về lưu trữ. Việc lưu trữ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp điện tử có giá trị như lưu trữ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp dưới dạng văn bản giấy.

2. Tòa án phải in ra bản giấy đối với hồ sơ, tài liệu, chứng cứ, văn bản tố tụng dưới dạng thông điệp dữ liệu theo hướng dẫn tại Điều 16 Nghị quyết này và lưu vào hồ sơ vụ án, vụ việc.

3. Cơ quan, đơn vị thực hiện lưu trữ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp điện tử phải bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật Giao dịch điện tử.

4. Tài liệu, chứng cứ là bản chính, bản sao hợp pháp mà cơ quan, tổ chức, cá nhân giao nộp theo hướng dẫn tại Điều 24 Nghị quyết này phải được lưu vào hồ sơ vụ án, vụ việc.

5. Thời hạn lưu trữ thông điệp dữ liệu được thực hiện như đối với thời hạn lưu trữ hồ sơ vụ án, vụ việc bằng văn bản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao. Trường hợp thông điệp dữ liệu hết thời hạn lưu trữ theo quy định nhưng có liên quan đến tính toàn vẹn về thông tin của hệ thống và các thông điệp dữ liệu đang lưu hành thì tiếp tục được lưu trữ cho đến khi việc hủy thông điệp dữ liệu hoàn toàn không ảnh hưởng đến các giao dịch điện tử khác.

Điều 19. Xử lý sự cố trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử

1. Trường hợp xảy ra sự cố trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử thì Tòa án có trách nhiệm thông báo ngay về sự cố của hệ thống, hạ tầng kỹ thuật và thời điểm sự cố được khắc phục, hệ thống hoạt động trở lại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân được biết.

2. Trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử mà xảy ra sự cố, nếu sau 03 ngày làm việc không khắc phục được thì cơ quan, tổ chức, cá nhân phải gửi đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ, Tòa án phải cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương thức khác theo quy định của pháp luật tố tụng.

Thời gian từ khi có thông báo của Tòa án đến khi sự cố được khắc phục được coi là trở ngại khách quan và không tính vào thời hạn tố tụng.

3. Quá trình giao dịch điện tử nếu hệ thống hạ tầng kỹ thuật Hệ thống dịch vụ công Tòa án, Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc hệ thống khác theo quy định của pháp luật gặp sự cố thì ngày gửi, nhận thông điệp dữ liệu được xác định là ngày thực tế thông điệp dữ liệu đó được gửi vào hệ thống của người nhận.

Điều 20. Bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin

1. Việc giao dịch điện tử tại Tòa án phải bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn thông tin cho hệ thống theo quy định của Luật An ninh mạng, Luật Giao dịch điện tử, Luật Công nghệ thông tin, pháp luật khác có liên quan và Quy chế.

2. Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

a) Bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin trong giao dịch điện tử;

b) Sử dụng, quản lý, bảo vệ thông điệp dữ liệu đúng pháp luật;

c) Tự mình hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các biện pháp cần thiết bảo đảm tính an toàn, bảo mật, chính xác và toàn vẹn của thông điệp dữ liệu.

Điều 21. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Tòa án nhân dân tối cao thực hiện việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa Hệ thống dịch vụ công Tòa án thuộc thẩm quyền quản lý với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu bộ, ngành, địa phương để xác thực, thu thập thông tin. Việc kết nối, chia sẻ thông tin đảm bảo việc vận hành thông suốt, hiệu quả; kịp thời phối hợp với các cơ quan liên quan khắc phục sự cố (nếu có).

2. Hồ sơ, tài liệu, chứng cứ điện tử, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước được kết nối, chia sẻ theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật về cơ yếu.

3. Việc chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước không làm ảnh hưởng tới quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan, không được xâm phạm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chương II

GỬI, NHẬN VÀ XỬ LÝ ĐƠN KHỞI KIỆN, YÊU CẦU, TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ

Điều 22. Gửi đơn khởi kiện, yêu cầu, tài liệu, chứng cứ bằng phương tiện điện tử

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện gửi đơn khởi kiện, yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đến Hệ thống dịch vụ công Tòa án, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị quyết này.

2. Ngày khởi kiện, yêu cầu là ngày cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đơn khởi kiện, yêu cầu bằng phương tiện điện tử và được Hệ thống dịch vụ công Tòa án xác nhận là đã gửi thành công.

3. Trong quá trình tố tụng, cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi tài liệu, chứng cứ bằng phương tiện điện tử đến Tòa án thông qua tài khoản giao dịch điện tử của mình, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị quyết này.

Điều 23. Nhận và xử lý đơn khởi kiện, yêu cầu, tài liệu, chứng cứ

1. Sau khi nhận được đơn khởi kiện, yêu cầu, tài liệu, chứng cứ của cơ quan, tổ chức, cá nhân, Tòa án phải gửi thông điệp dữ liệu xác nhận đã nhận đơn khởi kiện, yêu cầu, tài liệu, chứng cứ đến tài khoản giao dịch điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Kết quả xử lý đơn khởi kiện, yêu cầu được Tòa án gửi đến tài khoản giao dịch điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 24. Giao nộp tài liệu, chứng cứ

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng tài liệu, chứng cứ điện tử đã nộp trong quá trình tố tụng nếu được Tòa án kiểm tra và chấp nhận. Tòa án có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp bản gốc, bản chính khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có căn cứ cho rằng tài liệu điện tử có dấu hiệu bị chỉnh sửa, sai lệch, không bảo đảm tính toàn vẹn, cần đối chiếu với bản gốc, bản chính;

b) Tài liệu điện tử không hoàn chỉnh, nội dung không rõ ràng, hình thức không đúng quy chuẩn.

2. Đối với các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ, hồ sơ đã được số hóa, lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin với Hệ thống dịch vụ công Tòa án, Cổng Dịch vụ công quốc gia thì Tòa án không yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp lại.

3. Đối với các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ, hồ sơ chưa được số hóa, lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin với Hệ thống dịch vụ công Tòa án, Cổng Dịch vụ công quốc gia thì cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp bản sao điện tử để gửi đến Tòa án qua phương tiện điện tử.

4. Đối với tài liệu, chứng cứ là vật chứng; tài liệu nghe được, nhìn được hoặc những tài liệu, chứng cứ khác không thể định dạng dưới dạng thông điệp dữ liệu thì Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân không được gửi bằng phương thức điện tử mà phải giao nộp bằng phương thức khác theo quy định của pháp luật tố tụng.

Chương III

CẤP, TỐNG ĐẠT, THÔNG BÁO VĂN BẢN

Điều 25. Cấp, tống đạt, thông báo văn bản bằng phương tiện điện tử

1. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân đã đăng ký giao dịch điện tử với Tòa án thì văn bản do Tòa án ban hành theo quy định của pháp luật được Tòa án gửi từ Hệ thống dịch vụ công Tòa án đến tài khoản giao dịch điện tử đã được đăng ký của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thời hạn pháp luật quy định.

Văn bản do Tòa án ban hành phải bảo đảm các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị quyết này.

2. Ngày cấp, tống đạt, thông báo văn bản bằng phương tiện điện tử được xác định theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 10 Nghị quyết này.

Điều 26. Nhận và xử lý thông điệp dữ liệu do Tòa án cấp, tống đạt, thông báo

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được sử dụng thông điệp dữ liệu mà Tòa án gửi để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tiếp nhận, thực hiện các nội dung, yêu cầu của Tòa án trong thời hạn quy định; thường xuyên kiểm tra tài khoản giao dịch điện tử.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tự chịu trách nhiệm trong trường hợp không thực hiện việc đăng nhập, tiếp nhận, thực hiện các nội dung, yêu cầu của Tòa án.

Chương IV

NỘP ÁN PHÍ, LỆ PHÍ, CHI PHÍ, TẠM ỨNG ÁN PHÍ, LỆ PHÍ, CHI PHÍ; PHIÊN HỌP, PHIÊN TÒA; CẤP BẢN SAO BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH

Điều 27. Thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong giải quyết thủ tục tố tụng, thủ tục hành chính tư pháp trên môi trường số

1. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có nghĩa vụ nộp án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí, tạm ứng chi phí tố tụng, các khoản nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật tố tụng được thực hiện thanh toán trực tuyến thông qua Hệ thống dịch vụ công Tòa án, Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc các phương thức thanh toán điện tử hợp pháp khác.

2. Việc xác thực khi thanh toán trực tuyến được thực hiện theo một trong các phương thức:

a) Đăng nhập một lần trên cơ sở liên kết tài khoản giữa Hệ thống dịch vụ công Tòa án, Cổng Dịch vụ công quốc gia và hệ thống thanh toán của các ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật có liên quan;

b) Thực hiện bằng tài khoản của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trong trường hợp không thực hiện đăng nhập bằng tài khoản của Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định của Tòa án và pháp luật về giao dịch điện tử có liên quan.

3. Mức nộp, thời điểm nộp án phí, lệ phí, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí, tạm ứng chi phí tố tụng, các khoản nghĩa vụ tài chính khác được thực hiện theo quy định của pháp luật về án phí và lệ phí Tòa án và các quy định pháp luật liên quan.

4. Chứng từ điện tử về việc nộp tiền, có chữ ký số của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán kèm theo xác nhận khoản thu đã được ghi nhận thành công vào ngân sách nhà nước được gửi tự động cho người nộp, Tòa án và các cơ quan liên quan (nếu có) để làm căn cứ thực hiện các thủ tục tố tụng tiếp theo.

5. Việc hoàn trả án phí, lệ phí, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí, các khoản phải hoàn trả khác được thực hiện bằng phương thức thanh toán điện tử qua Hệ thống dịch vụ công Tòa án, Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.

6. Ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm kết nối, cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến; công khai phí dịch vụ; bảo đảm an toàn, bảo mật; thực hiện đối soát, hạch toán và hỗ trợ tra soát, khiếu nại theo quy định của pháp luật.

7. Tòa án có trách nhiệm tích hợp, đồng bộ dữ liệu về nghĩa vụ tài chính; phối hợp với ngân hàng và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trong việc đối soát; bảo đảm an toàn hệ thống; công khai đầu mối hỗ trợ tra soát, giải quyết vướng mắc trong quá trình thực hiện thanh toán trực tuyến.

8. Kho bạc Nhà nước thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong hoạt động tố tụng theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Giá trị pháp lý của việc thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong giải quyết thủ tục tố tụng, thủ tục hành chính tư pháp trên môi trường số

1. Chứng từ điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có giá trị pháp lý như chứng từ, biên lai thu tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

2. Ngày nộp biên lai được xác định là ngày Hệ thống dịch vụ công Tòa án thông báo xác nhận thanh toán thành công.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn thực hiện nộp án phí, lệ phí, chi phí, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí, tạm ứng chi phí trong giải quyết thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống dịch vụ công Tòa án hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Tổ chức phiên tòa, phiên họp trực tuyến

1. Việc tổ chức phiên tòa trực tuyến được thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức phiên tòa trực tuyến, Nghị quyết này và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.

2. Tòa án tổ chức phiên họp trực tuyến để giải quyết, xét xử vụ án, vụ việc. Khi tổ chức phiên họp trực tuyến phải tuân thủ các quy định của pháp luật về tổ chức phiên họp trực tuyến, Nghị quyết này và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao; bảo đảm an ninh mạng, các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật và bảo đảm sự tôn nghiêm của Tòa án.

3. Tòa án thông báo cho đương sự và các thành phần tham gia khác thông qua Hệ thống dịch vụ công Tòa án, Cổng Dịch vụ công quốc gia, tin nhắn điện thoại hoặc ứng dụng VNeID về thông tin của phiên họp, yêu cầu, điều kiện tham gia phiên họp, kiểm soát danh sách thành phần triệu tập, tham gia phiên họp và điều hành phiên họp.

4. Đương sự căn cứ thông báo của Tòa án, đăng nhập Hệ thống thông tin, Hệ thống xét xử trực tuyến để tham gia phiên họp. Đương sự có trách nhiệm bảo mật thông tin đăng nhập, thông tin phiên họp, chịu trách nhiệm về việc tham gia phiên họp theo thông báo của Tòa án và đảm bảo các yêu cầu về kĩ thuật trong quá trình diễn ra phiên họp.

Điều 30. Cấp bản sao bản án, quyết định của Tòa án trên môi trường số

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể yêu cầu cấp trích lục, bản sao bản án, quyết định của Tòa án trên Hệ thống dịch vụ công Tòa án, Cổng Dịch vụ công quốc gia. Thủ tục, lệ phí cấp bản sao bản án, quyết định của Tòa án theo hướng dẫn tại Nghị quyết này, quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Tổ chức thực hiện

1. Các Tòa án tổ chức thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp trên môi trường số theo đúng quy định của pháp luật về chuyển đổi số, giao dịch điện tử, pháp luật tố tụng, Nghị quyết này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Các Tòa án thực hiện kết nối, tích hợp, cung cấp các dịch vụ công trên Hệ thống dịch vụ công Tòa án với Cổng Dịch vụ công quốc gia, đảm bảo việc vận hành hệ thống an toàn, thông suốt. Tòa án phối hợp, thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan khác để thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp trên môi trường số khi có đủ điều kiện.

3. Việc thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp trên môi trường số tại Tòa án theo hướng dẫn tại Nghị quyết này được thực hiện khi có đủ điều kiện. Ngay khi có đủ điều kiện thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính tư pháp trên môi trường số, Tòa án phải thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 15 tháng 01 năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2026.

2. Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Luật Tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tống dạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình triển khai thi hành Nghị quyết, nếu có vướng mắc cần được hướng dẫn thì các Tòa án phản ánh về Tòa án nhân dân tối cao để hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung kịp thời./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để giám sát);
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (02 bản);
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Công an;
- Bộ Quốc phòng;
- Các TAND và TAQS các cấp (để thực hiện);
- Các Thẩm phán TANDTC và các đơn vị TANDTC (để thực hiện);
- Cổng Thông tin điện tử TANDTC (để đăng tải);
- Lưu: VT (TANDTC, Vụ PC&QLKH-P2).

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CAO

Nguyễn Văn Quảng